



Phụ lục 2

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 02/GPMT-UBND ngày 4 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường:

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Rác thải sinh hoạt	1.196
2	Chất thải rắn từ cảnh quan (cắt tỉa cây xanh quanh)	12
TỔNG CỘNG		1.208

Thành phần chủ yếu là bao bì đựng thức ăn, thức ăn dư thừa, giấy,...

- Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải:

+ Đối với bùn thải từ hầm tự hoại: Nạo vét định kỳ 01 năm/lần

+ Đối với bùn thải từ hệ thống XLNT tập trung: Tổng lượng bùn cần xử lý trong 1 ngày là khoảng 22,97kg/ngày.

- Đối với dầu mỡ thải từ bể tách dầu mỡ: Sử dụng các sản phẩm chế phẩm sinh học dùng vi sinh có hoạt độ cao và hút định kỳ 1 lần/tháng.

- Các vật liệu lọc từ bể lọc nước của hồ bơi: Định kỳ 1 năm/lần, vật liệu lọc sẽ được thay mới, khối lượng phát sinh: Sỏi đỡ khoảng 1,0m³, cát thạch anh khoảng 2,0m³, than hoạt tính khoảng 1,0m³.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án với khối lượng thực tế phát sinh khoảng 50-150kg/năm.

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng năm 2022 (kg)	Khối lượng năm 2023 (kg)	Khối lượng năm 2024 (kg)
I	Chất thải nguy hại				
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	1,5	0	0,5



STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng năm 2022 (kg)	Khối lượng năm 2023 (kg)	Khối lượng năm 2024 (kg)
2	Pin thải	16 01 12	1,5	8	0
3	Dầu nhớt thải	17 02 04	31	10	0
4	Các thiết bị linh kiện điện tử thải	16 01 13	9	28	146,5
II Chất thải phải kiểm soát					
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	1	0	0
2	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	6	4	0
Tổng số lượng			50	50	147

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: Được thu gom, lưu chứa vào 01 thùng nhựa, dung tích 240 lít, nhân viên vệ sinh tập trung về khu vực nhà kho và chuyển giao cho đơn vị thu mua phế liệu.

- Chất thải thực phẩm: Được thu gom vào các thùng chứa có dung tích 15lít, 25lít, 50lít, 120lít được bố trí tại các phòng lưu trú, khu vực nhà bếp, nhà hàng, đường nội bộ, khu văn phòng,... định kỳ hàng ngày nhân viên thu gom, vận chuyển và chứa vào 2 thùng chứa rác chung có nắp đậy, dung tích 660lít/thùng đặt tại nhà chứa rác diện tích 16m² (4m x 4m) góc phía Nam dự án. Định kỳ 2 ngày/lần, Công ty TNHH-XD-TM-SX Nam Thành vận chuyển về nhà máy để xử lý.

- Chất thải rắn sinh hoạt khác: Chất thải rắn từ cảnh quan phát sinh khoảng 12kg/ngày, được thu gom vào các bao nilon trập trung tại khu vực sân tennis. Định kỳ 2 ngày/lần, Công ty TNHH-XD-TM-SX Nam Thành vận chuyển về nhà máy để xử lý.

- Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung và hầm tự hoại: Công ty ký hợp đồng với Công ty TNHH Tuyết Nam định kỳ 01 năm/lần tiến hành hút bùn bằng xe bồn và vận chuyển đi để xử lý.

- Đối với dầu mỡ thải từ bể tách dầu mỡ: Công ty ký hợp đồng với Công ty

TNHH Tuyết Nam thu gom bằng xe bồn hút định kỳ 11 lần/tháng.

- Các vật liệu lọc từ bể lọc nước của hồ bơi: Công ty hợp đồng với đơn vị cung cấp thu gom, xử lý hoàn nguyên để tái sử dụng.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở với khối lượng thực tế phát sinh khoảng 50 -150kg/năm. Các chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và tập trung về kho lưu trữ chất thải nguy có kết cấu tường xây bằng gạch, mái tôn, sàn bê tông có khả năng chống thấm trước khi thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý. Bên trong kho có bố trí 06 thùng 50 lít bằng nhựa có nắp đậy để phân loại, lưu giữ CTNH. Định kỳ hàng năm toàn bộ chất thải nguy hại này được chuyển giao cho các đơn vị có chức năng xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố theo quy định tại Điều 122,124,125,126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định pháp luật hiện hành.



